

Bản án số: 164/2023/HS-ST

Ngày: 07-12-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC - TỈNH LÂM ĐỒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Khắc Phong**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngôi Sao**

Ông **Hoàng Xuân Ty**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đặng Khắc Cường** - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Thanh Hoàng** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 161/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2023 và Thông báo hoãn phiên tòa số: 12/TB-TA ngày 23 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Võ Ngọc A**, tên gọi khác: **N**, sinh năm: 1986 tại Nghệ An; hộ khẩu thường trú và cư trú: **Khối Y, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Võ Văn Q**, sinh năm 1958 và con bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1964, hiện đều cư trú tại **phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An**; gia đình: Có 03 chị em, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1991, bị cáo là con thứ hai; vợ: **Lê Thị Bích T**, sinh năm 1989 (đã ly hôn); con: Có 01 con, sinh năm 2012, hiện đều cư trú tại **phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An**; tiền sự: Không.

- Tiền án: Có 04 tiền án:

+ Ngày 25/10/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 12 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Bản án số 412/2006/HSST. Ngày 27/7/2007, chấp hành xong hình phạt tù.

+ Ngày 27/10/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 07 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Bản án số 566/2009/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/3/2010.

+ Ngày 25/5/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 12 tháng tù giam về tội Gây rối trật tự công cộng theo bản án số 37/2012/HSST.

+ Ngày 30/5/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 08 năm tù về tội Giết người, tổng hợp với hình phạt của Bản án số 37/2012/HSST, buộc phải

chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 09 năm tù theo Bản án số 55/2014/HSST. Đến ngày 25/3/2022 chấp hành xong hình phạt tù.

- Nhân thân:

+ Ngày 19/7/2011, bị Công an thành phố V xử phạt số tiền 750.000đ về hành vi Đánh nhau theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20. Đến ngày 19/7/2011 chấp hành xong việc nộp phạt.

+ Ngày 30/3/2011, bị Công an tỉnh N xử phạt số tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc, theo Quyết định xử phạt hành chính số 17. Đến ngày 21/11/2011 chấp hành xong việc nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 30/9/2022 cho đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Hữu T1**, tên gọi khác: **T2**; sinh năm: 1977 tại Nghệ An; hộ khẩu thường trú: **Khôi T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An**; nơi cư trú: **K, Phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An**; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Hữu N1**, sinh năm 1939 và con bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1950, hiện đều cư trú tại **phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An**; gia đình: Có 04 anh em, nhỏ nhất sinh năm 1984, bị cáo là con lớn nhất; vợ: **Nguyễn Thị Vân A1**, sinh năm: 1977; con: Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2012. Hiện vợ con đều cư trú tại **phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An**; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 22/6/1994, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 13 năm tù về tội Giết người và tổng hợp với hình phạt của bản án số 24 ngày 21/4/1994. Buộc phải chấp hành hình phạt chung cho 02 bản án là 13 năm 06 tháng tù. Đến ngày 30/4/2000 chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 02/7/2009, bị Công an thành phố V, tỉnh Nghệ An ra quyết định đình chỉ điều tra về tội Cố ý gây thương tích theo Quyết định số 06/QĐ ngày 02/7/2009.

- Ngày 26/7/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo theo Bản án số 56/2011/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

- Ngày 07/7/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 05 tháng 28 ngày tù về tội Gây rối trật tự công cộng theo Bản án số 69/2014/HSST. Đến nay đã được xóa án tích.

- Ngày 15/5/2023, bị Công an thành phố B xử phạt số tiền 6.500.000đ về hành vi dùng xẻng đánh gây thương tích cho anh **Nguyễn Sỹ S** tại **quán Bar N3.1** ngày 28/9/2022 theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 97/QĐ-XPHC.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 30/9/2022 cho đến nay. Có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Hữu Đ**, sinh năm: 1995 tại Nghệ An; hộ khẩu thường trú và cư trú: **Khôi P, phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An**; nghề nghiệp: Thợ xăm hình; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Hữu V**, sinh năm 1967 (đã chết); và con bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm: 1965, hiện cư trú tại **phường V, thành phố V, tỉnh Nghệ An**; gia

đình: Có 02 anh em, nhỏ nhất sinh năm 1997, bị cáo là con lớn nhất; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không.

Tiền án: Có 02 tiền án:

- Ngày 07/5/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án số 134/2018/HSST. Đến ngày 13/02/2019 chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 14/5/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 18 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án số 157/2020/HS-ST. Đến ngày 24/5/2021 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 30/9/2022 cho đến nay. Có mặt.

4. Họ và tên: **Dương Hoàng G**, tên gọi khác: **B1**, sinh năm: 1975 tại Nghệ An; hộ khẩu thường trú và cư trú: **K, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An**; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Dương Văn T3**, sinh năm 1944, hiện cư trú tại **phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An** và con bà **Nguyễn Thị T4**, sinh năm: 1948 (đã chết); gia đình: Có 03 anh em, nhỏ nhất sinh năm 1985, bị cáo là con lớn nhất; vợ: **Nguyễn Thị V1**, sinh năm 1974, con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2009, hiện vợ con đều cư trú tại **Phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An**; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/3/2019, Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt số tiền 7.000.000đ về tội gây rối trật tự công cộng theo Bản án số 95/2019/HS-ST. Đến ngày 25/4/2019 chấp hành xong hình phạt và án phí.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 30/9/2022 đến ngày 12/01/2023 được thay thế biện pháp Bảo lãnh cho tại ngoại đến nay. Có mặt.

5. Họ và tên: **Nguyễn Tấn T5**, tên gọi khác: **B2**, sinh năm: 1996 tại Đồng Nai; hộ khẩu thường trú và cư trú: **Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Tấn H2**, sinh năm 1969 (đã chết) và con bà **Nguyễn Thị H3**, sinh năm 1971, hiện cư trú tại **xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai**; gia đình: Có 05 anh em, lớn nhất sinh năm 1986, bị cáo là con nhỏ nhất; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 17/7/2019 Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội Cố ý gây thương tích theo Bản án số 54/2019/HS-ST. Đến nay chưa chấp hành xong thời gian thử thách.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 23/3/2023 cho đến nay. Có mặt.

6. Họ và tên: **Vũ Mạnh Đ1**, sinh năm: 1999 tại Lâm Đồng; hộ khẩu thường trú và cư trú: **Thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng**; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 07/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Vũ Đình Đ2**, sinh năm 1966 và con bà **Lê Thị Bích T6**, sinh năm:

1967, hiện đều cư trú tại **thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng**; gia đình: Có 05 chị em, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2006, bị cáo là con thứ hai; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại **xã L, thành phố B** từ ngày 15/3/2023 cho đến nay. Có mặt.

7. Họ và tên: **Bùi Tấn N2**, tên gọi khác: Nhật sọ, sinh năm: 1995 tại Lâm Đồng; hộ khẩu thường trú và cư trú: **Thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Bùi Vương Q1**, sinh năm 1967 và con bà **Trần Thị Thu L**, sinh năm: 1972, hiện đều cư trú tại **xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng**; gia đình: Có 04 anh em, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2008, bị cáo là con thứ hai; vợ: **Lê Thị Ánh T7**, sinh năm: 1995, con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2023; hiện vợ con đều cư trú tại **thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng**; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại **xã L, thành phố B** từ ngày 15/3/2023 cho đến nay. Có mặt.

Bị hại: Anh **Nguyễn Minh T8**, sinh năm: 1995; nơi cư trú: **Tổ G, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng**. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hộ kinh doanh nhạc trẻ No.1

Người đại diện theo pháp luật: Anh **Nguyễn Chí L1**, sinh năm: 1985; nơi cư trú: **Số E Q, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Ngô Vương T9**, sinh năm: 1989; địa chỉ: **Tổ A, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng**. Văn bản ủy quyền ngày 23/11/2023. Vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt.

2. Anh **Nguyễn Sỹ S**, sinh năm: 1998; nơi cư trú: **Hẻm H L, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Anh **Phạm Hồng Q2**, sinh năm: 1986; nơi cư trú: **Số B L, phường P, quận H, thành phố Hà Nội**. Vắng mặt.

2. Anh **Nguyễn Trần Tân T10**, sinh năm: 1996; nơi cư trú: **Số H L, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt.

3. Anh **Vũ Đình T11**, sinh năm: 1998; nơi cư trú: **Số H T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt.

4. Anh **Triệu Minh T12**, sinh năm: 2002; nơi cư trú: **Số A T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt.

5. Chị **Lâm Ngọc Y**, sinh năm: 1996; nơi cư trú: **Số A P, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt.

6. Chị **Nguyễn Thị H4**, sinh năm 1991; nơi cư trú: **Số B Q, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh**. Vắng mặt.

7. Chị **Nguyễn Thị Thùy H5**, sinh năm 1980; nơi cư trú: **Số B H, phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 28/9/2022, Võ Ngọc A cùng Trần Hữu T1, Dương Hoàng G, Nguyễn Hữu Đ, Phạm Hồng Q2, Nguyễn Thị H4 và Nguyễn Thị Thùy H5 đi đến quán bar N3.1 tại địa chỉ số E đường B, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng để uống bia và nghe nhạc. Khi đến thì nhóm của Võ Ngọc A ngồi ở giữa dãy bàn bên tay trái theo chiều hướng từ ngoài đi vào. Ngồi bên phía tay trái theo hướng từ ngoài đi vào với nhóm của Ngọc A là nhóm của Nguyễn Minh T8, Bùi Tấn N2, Vũ Mạnh Đ1, Lê Minh Đ3 và người tên P (chưa xác định được nhân thân lai lịch). Ngồi phía bên tay phải nhóm của Ngọc A là Nguyễn Trần Tân T10 (là em vợ của T8) cùng với Vũ Đình T11, Nguyễn Tấn T5, Triệu Minh T12, Lâm Ngọc Y. Trong quá trình ngồi uống bia tại đây thì Nguyễn Minh T8 đi ngang qua bàn của nhóm Võ Ngọc A đang ngồi để sang bàn nhóm của Nguyễn Trần Tân T10 mời bia. Khi anh T8 đi qua bàn của nhóm Võ Ngọc A thì gặp Nguyễn Hữu Đ và Trần Hữu T1 đang đứng sát lan can để nhảy. Lúc này thì giữa anh T8 và Nguyễn Hữu Đ đã xảy ra mâu thuẫn nên dùng tay xô đẩy nhau. Thấy vậy thì Vũ Đình T11 chạy từ vị trí đang ngồi lại vị trí của T8 và Ngọc A để cản ngăn và dùng tay không nắm 01 cái vào lưng của một người (không xác định được trúng ai) bên nhóm của Ngọc A rồi bỏ chạy. Lúc này thì Nguyễn Tấn T5 cầm 01 ly thủy tinh ném về phía nhóm của Ngọc A, còn Vũ Mạnh Đ1 cầm ly thủy tinh đập 01 cái trúng vào phía sau đầu của Dương Hoàng G. Còn Võ Ngọc A thấy Nguyễn Trần Tân T10 đang ôm Trần Hữu T1 thì đã lấy 01 con dao gấp có ốp nhựa màu đỏ có tổng chiều dài 20cm, (lưỡi bằng kim loại dài 09cm, cán dài 11cm) trong túi quần mang theo trước đó đâm gây rách da vùng cổ, bị đâm thì T10 bỏ chạy xuống phía dưới khu vực quán BaN3 thì Ngọc A đuổi theo dùng dao đâm trúng vùng cánh tay trái và mu bán chân trái của T10. Lúc này Dương Hoàng G lấy 01 chiếc bàn trong quán Bar N3 về phía của Bùi Tấn N2 đang đứng trên bục sân khấu của quán BaN3. Còn Bùi Tấn N2 đã dùng chiếc bàn này ném lại về phía nhóm của Dương Hoàng G. Lúc này Võ Ngọc A đi ra khu vực cửa ra vào quán B3 thì gặp anh Nguyễn Minh T8 đang chạy quay vào nên đã dùng tay phải cầm dao gấp đâm trúng mắt trái của T8 nên T8 bỏ chạy ra ngoài. Lúc này thì Trần Hữu Đ4 chạy đến vị trí ngồi trước đó lấy 01 con dao gấp, lưỡi bằng kim loại dài 04cm, cán bằng kim loại dài 06cm trong túi xách của mình rồi cùng với Ngọc A, T1, G đi ra ngoài. Sau khi chạy ra ngoài Dương Hoàng G đi đến vị trí hàng rào ở đường Bà T13 thì thấy 01 thanh kiếm bằng kim loại, cán tròn, tổng chiều dài là 0,78m và 01 con dao loại tự chế đang để tại đây nên đã cầm quay lại khu vực trước quán BaN3, thấy vậy thì Võ Ngọc A đã lấy 01 con dao trên tay của G rồi tiếp tục đuổi đánh nhau. Trong lúc đuổi đánh nhau thì G dùng thanh kiếm chém về phía một nam thanh niên (không xác định được là ai) nhưng không trúng còn nhóm người bị đuổi đánh (không xác định được là ai) dùng chiếc xẻng 01 có đặc điểm cán kim loại đường kính 0,03m, tổng chiều dài là 1,37m, mặt xẻng dài 0,27m, rộng 0,23m ném về phía nhóm của Võ Ngọc A nên Trần Hữu T1 đã nhặt lấy chiếc xẻng này rồi cùng với Võ Ngọc A, Dương Hoàng G chạy quay vào khu vực quầy lễ tân bên trong sảnh khu vực quán BaN3. Tại đây, nhóm của Ngọc A đã gặp anh Nguyễn Sỹ S do nghĩ đây là người đánh nhau

với nhóm mình nên **Võ Ngọc A** đã dùng dao chém 01 phát trúng vào cánh tay trái và **Trần Hữu T1** dùng xẻng đánh 02 cái vào đầu và vai của anh **S**. Sau khi bị đánh thì **Vũ Mạnh Đ1**, **Nguyễn Minh T8**, **Bùi Tấn N2**, **Nguyễn Tấn T5**, **Vũ Đình T11**, **Nguyễn Trần Tân T10**, **Nguyễn Thị Thùy H5** đi đến bệnh viện **I** để chữa trị vết thương, còn nhóm của **Võ Ngọc A** đi về nhà của **Nguyễn Thùy H5** ở địa chỉ **số B đường P, phường L, thành phố B** để ở đến ngày 29/9/2022 thì điều khiển xe về thành phố Hồ Chí Minh, khi đi đến **trạm cảnh sát giao thông M1, huyện Đ** thì bị cơ quan Công an thành phố Bảo Lộc dừng xe kiểm tra phương tiện và mời về trụ sở để làm việc.

Ngày 02/10/2022 cán bộ **tổ dân phố H, phường B, thành phố B** có đơn kiến nghị gửi đến **Công an phường B4** và **Công an thành phố B** xem xét xử lý về hành vi gây mất trật tự công cộng của nhóm đối tượng trên.

Ngày 03/10/2022 **UBND phường B5, thành phố B** ban hành Công văn số 149 kiến nghị Cơ quan điều tra **Công an thành phố B** điều tra xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với số đối tượng có hành vi đánh nhau gây rối tại địa phương nhằm ổn định tình hình góp phần đảm bảo an ninh trật tự để quần chúng nhân dân yên tâm phát triển kinh tế, chấp hành pháp luật của Nhà nước.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 25/23/TgT ngày 31/01/2023 của **V2** - Phân viện tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích gây nên nên tại thời điểm giám định của **Nguyễn Minh T8**:

- + Sẹo kích thước nhỏ vùng thái dương trái là 01%.
- + Sẹo kích thước nhỏ vùng thái dương phải là 01%.
- + Sẹo kích thước nhỏ vùng tai trái cách bình tai 01cm là 03%.
- + Sẹo kích thước nhỏ vùng mắt trái, sẹo từ đầu trong cung mày trái đến gò má trái 03%.
- + Sẹo kích thước lớn và sẹo kích thước nhỏ vùng 1/3 giữa trước trong cẳng tay trái là 04%.
- + Gãy bờ trên trong trần hốc mắt trái 06%.
- + Mù mắt trái, thị lực mắt phải 3/10 là 61%.

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương có thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của **Nguyễn Minh T8** là 68% (Sáu mươi tám phần trăm).

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số: 74BS/23/TgT ngày 27/3/2023 của **V2** - Phân viện tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Các thương tích của **Nguyễn Minh T8** do vật sắc tác động trực tiếp gây nên.

Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 364/23-KLTTTCT-PYLD ngày 21/7/2023 của **Trung tâm pháp y tỉnh L** kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Bùi Tấn N2** tại thời điểm giám định là 01%.

Bản kết luận giám định số 1803/KL-KTHS của **Phòng K Công an tỉnh L** kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa trong các File video gửi giám định.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 118/KL-HĐĐGTS ngày 24/11/2022 của Hội đồng định giá UBND thành phố B xác định: Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 1.750.000đ.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra Công an thành phố B đã thu giữ và trả lại 01 xe ô tô nhãn hiệu MISUBISHI, BKS: 37A - 686.82 cho chị Nguyễn Thị Vân A1, sinh năm 1977, nơi cư trú: Khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An là chủ sở hữu hợp pháp.

Hiện đang tạm giữ: 01 (một) quần jean dài màu xanh bạc có chữ D&G của Dương Hoàng G; 01 (một) áo thun cổ bẻ, màu xanh đen, tay ngắn có viền màu đỏ và 01 (một) quần lửng dạng kaki màu trắng của Võ Ngọc A của Nguyễn Hữu Đ; 01 (một) áo thun cổ tròn, màu đen, tay ngắn, trước có in hình gấu trúc màu trắng, phía sau có dòng chữ màu xanh; 01 (một) chiếc xẻng cán kim loại, tổng chiều dài là 1,37m và mặt xẻng dài 0,27m, rộng 0,23m, cán trên bằng kim loại đường kính 0,03m; 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại, cán tròn, tổng chiều dài là 0,78m, mũi nhọn, lưỡi sắc, rộng 0,035m; đường kính cán là 0,03m; 01(một) vỏ bao kiếm màu đen, có chu vi 0,06m; dài 0,615m; 01(một) con dao gấp ốp nhựa màu đỏ, lưỡi bằng kim loại, dài 20cm (lưỡi bằng kim loại dài 09cm, cán dài 11cm); 01(một) con dao gấp lưỡi bằng kim loại dài 04cm, cán bằng kim loại dài 06cm; 01(một) con dao gấp có ốp màu xanh đỏ dài 18cm, lưỡi bằng kim loại dài 108cm, cán dao dài 10cm, 01 con dao gấp dài 15cm, gồm nhiều lưỡi khác nhau, 01 con dao gấp dài 18cm, lưỡi bằng kim loại dài 08cm, cán dài 10cm có ốp màu xanh đỏ.

Đối với con dao tự chế mà Võ Ngọc A dùng để chém gây thương tích cho anh Nguyễn Sỹ S thì quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra bị hại anh Nguyễn Minh T8 yêu cầu bồi thường số tiền là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Thiện Thành T14 (là người đại diện hợp pháp của quán Bar N3.1) và anh Nguyễn Sỹ S đã được bồi thường nên không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Cáo trạng số: 144/CT-VKSBL ngày 06/9/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc truy tố bị cáo Võ Ngọc A về tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b, d khoản 4 Điều 134; điểm b, e khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Đ về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Trần Hữu T1, Dương Hoàng G, Nguyễn Tấn T5, Vũ Mạnh Đ1, Bùi Tấn N2 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo không thắc mắc, khiếu nại bản cáo trạng, khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, thừa nhận Viện kiểm sát truy tố các bị cáo như vậy là không oan. Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại anh Nguyễn Minh T8 yêu cầu bị cáo Võ Ngọc A phải bồi thường tổng cộng số tiền 400.000.000đ, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Võ Ngọc A.

Bị cáo Võ Ngọc A đồng ý bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Minh T8 số tiền 400.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Võ Ngọc A phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Gây rối trật tự công cộng”; tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Trần Hữu T1, Dương Hoàng G, Nguyễn Tấn T5, Vũ Mạnh Đ1 và Bùi Tấn N2 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng điểm b, d khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Ngọc A từ 08 tháng đến 09 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Ngọc A từ 36 tháng đến 42 tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng Điều 55 Bộ Luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành từ 11 năm đến 12 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ từ 36 đến 42 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Hữu T1 từ 30 đến 36 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T5 từ 30 đến 36 tháng tù. Áp dụng khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; buộc bị cáo Nguyễn Tấn T5 phải chấp hành 03 năm tù của Bản án số 54/2019/HSST ngày 17/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Tấn T5 phải chấp hành chung hai bản án là 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/3/2023.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo Dương Hoàng G, Vũ Mạnh Đ1 và Bùi Tấn N2, mỗi bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại, bị cáo Võ Ngọc A có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Minh T8 số tiền 400.000.000đ.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) quần jean dài màu xanh bạc có chữ D&G của Dương Hoàng G; 01 (một) áo thun cổ bẻ, màu xanh đen, tay ngắn có viền màu đỏ và 01 (một) quần lửng dạng kaki màu trắng của Võ Ngọc A của Nguyễn Hữu Đ; 01 (một) áo thun cổ tròn, màu đen, tay ngắn, trước có in hình gấu trúc màu trắng, phía sau có dòng chữ màu xanh; 01 (một) chiếc xẻng cán kim loại, tổng chiều dài là 1,37m và mặt xẻng dài 0,27m, rộng 0,23m, cán trên bằng kim loại đường kính 0,03m; 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại, cán tròn, tổng chiều dài là 0,78m, mũi

nhọn, lưỡi sắc, rộng 0,035m; đường kính cán là 0,03m; 01(một) vỏ bao kiếm màu đen, có chu vi 0,06m; dài 0,615m; 01(một) con dao gấp ốp nhựa màu đỏ, lưỡi bằng kim loại, dài 20cm (lưỡi bằng kim loại dài 09cm, cán dài 11cm); 01(một) con dao gấp lưỡi bằng kim loại dài 04cm, cán bằng kim loại dài 06cm; 01(một) con dao gấp có ốp màu xanh đỏ dài 18cm, lưỡi bằng kim loại dài 108cm, cán dao dài 10cm, 01 con dao gấp dài 15cm, gồm nhiều lưỡi khác nhau, 01 con dao gấp dài 18cm, lưỡi bằng kim loại dài 08cm, cán dài 10cm có ốp màu xanh đỏ.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo **Võ Ngọc A** phải chịu thêm 20.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ để xác định:

Vào khoảng 22 giờ ngày 28/9/2022 tại quán Bar N3.1, địa chỉ: **Số E B T, phường B, thành phố B** các bị cáo **Võ Ngọc A, Trần Hữu T1, Nguyễn Hữu Đ, Dương Hoàng G** đã xảy ra mâu thuẫn và đánh nhau với **Vũ Mạnh Đ1, Bùi Tấn N2, Nguyễn Tấn T5**. Quá trình đánh nhau các bị cáo đã thực hiện hành vi dùng hung khí nguy hiểm là dao, xẻng, kiếm, ly thủy tinh, bàn đũa đuổi đánh, ném nhau và la hét gây mất trật tự. Trong khi đánh nhau thì **Võ Ngọc A** đã thực hiện hành vi dùng dao đâm vào mắt trái của anh **Nguyễn Minh T8** gây tỷ lệ tổn thương cơ thể là 61%. Hành vi la hét, đuổi đánh nhau của các bị cáo đã gây mất trật tự tại phía trong, phía trước **quán N3.1** và khu vực **đường B, phường B, thành phố B** là nơi kinh doanh, khu đông dân cư sinh sống, nhiều phương tiện tham gia giao thông qua lại nên đã làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh buôn bán, gây cản trở các phương tiện giao thông và ảnh hưởng tới tâm lý của người dân sinh sống xung quanh. Trong khi các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý; đối với bị cáo **Võ Ngọc A** đang có 04 tiền án, trong đó có tiền án đã bị xác định là tái phạm nguy hiểm; bị cáo **Nguyễn Hữu Đ** có 02 tiền án, trong đó 01 tiền án đã bị xác định là tái phạm.

Vì vậy, hành vi của bị cáo **Võ Ngọc A** đã phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại tại điểm b, d khoản 4 Điều 134; điểm b, e khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo **Nguyễn**

Hữu Đ đã phạm vào tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Trần Hữu T1, Dương Hoàng G, Nguyễn Tấn T5, Vũ Mạnh Đ1 và Bùi Tấn N2 đã phạm vào tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Nhân thân:

+ Các bị cáo Võ Ngọc A, Trần Hữu T1, Nguyễn Hữu Đ, Dương Hoàng G và Nguyễn Tấn T5 có nhân thân xấu.

+ Các bị cáo Vũ Đình M, Bùi Tấn N2 có nhân thân tốt.

- Tình tiết tăng nặng:

+ Bị cáo Võ Ngọc A phạm tội trong trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” nên đối với tội “Cố ý gây thương tích” bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; còn đối với tội “Gây rối trật tự công cộng” thì đã bị xác định là tình tiết định khung nên không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

+ Bị cáo Nguyễn Tấn T5 phạm tội khi đang có 01 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Nguyễn Hữu Đ phạm tội trong trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” nhưng đã bị xác định là tình tiết định khung nên không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

+ Các bị cáo Trần Hữu T1, Dương Hoàng G, Vũ Đình M và Bùi Tấn N2 không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ:

+ Quá trình điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo đã thành khẩn khai báo; các bị cáo đã bồi thường thiệt hại về tài sản, sức khỏe cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là quán bar N3.1 tổng số tiền 5.300.000đ; các bị cáo A, T1 và G đã bồi thường cho anh Nguyễn Sỹ S số tiền 20.000.000đ nên tất cả các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Võ Ngọc A được bị hại Nguyễn Minh T8 xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Dương Hoàng G có bố đẻ là ông Dương Văn T3 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì và mẹ đẻ là Nguyễn Thị T4 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3; bị cáo Bùi Tấn N2 có bố đẻ là ông Bùi Vương Q1 được tặng thưởng Huân chương chiến vẻ vang hạng 3; bị cáo Trần Hữu T1 có bố đẻ là ông Trần Hữu N1 là thương binh hạng 2/4, được tặng thưởng Huân chương chiến vẻ vang hạng 3 nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, đối với tội “Gây rối trật tự công cộng” có tính chất đồng phạm nhưng nhất thời phạm tội, không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, mức độ tham gia của bị cáo Võ Ngọc A, Trần Hữu T1, Nguyễn Hữu Đ lớn hơn các bị cáo Dương Hoàng G, Nguyễn Tấn T5, Vũ Đình M, Bùi Tấn N2.

[5] Về hình phạt: Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo dùng hung khí nguy hiểm là dao, xẻng, kiếm, ly thủy tinh, bàn đũa đánh, ném nhau và la hét không những gây tổn hại đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa điểm kinh doanh, khu đông dân cư sinh sống, đường giao thông nhiều người qua lại nên đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương và gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải có mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của các bị cáo.

- Đối với bị cáo **Võ Ngọc A** đã phạm hai tội, có nhân thân rất xấu (đang có 04 tiền án), là người trực tiếp gây thương tích 61% tại vùng mặt của anh **Nguyễn Minh T8**. Vì vậy, phải xử phạt tù có thời hạn nhất thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

- Đối với bị cáo **Nguyễn Hữu Đ**, **Nguyễn Tấn T5** có nhân thân xấu, đang có tiền án (**Đ** có 02 tiền án, **T5** có 01 tiền án). Vì vậy, phải xử phạt tù có thời hạn nhất thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

- Đối với bị cáo **Trần Hữu T1** có nhân thân rất xấu. Vì vậy, phải xử phạt tù có thời hạn nhất thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

- Đối với bị cáo **Dương Hoàng G** mặc dù đã từng bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh nghệ An xử phạt 7.000.000đ theo Bản án số 95/2019/HS-ST ngày 27/3/2019 nhưng kể từ khi chấp hành xong đến khi phạm tội lần này đã quá 02 năm, có vai trò không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, thấy không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam mà cho bị cáo được hưởng án treo, chịu sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

- Đối với các bị cáo **Vũ Mạnh Đ1** và **Bùi Tấn N2** có nhân thân tốt, có vai trò không lớn. Mặt khác, các bị cáo này có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, thấy không cần thiết bắt các bị cáo này phải chấp hành hình phạt tù giam mà cho các bị cáo được hưởng án treo, chịu sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Việc cho các bị cáo này hưởng án treo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng

Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa giữa bị cáo **Võ Ngọc A** và bị hại **Nguyễn Minh T8** đã thống nhất thỏa thuận bồi thường dân sự, theo đó bị cáo **Võ Ngọc A** có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại **Nguyễn Minh T8** tổng cộng 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Xét thấy thỏa thuận bồi thường nêu trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, đạo đức của xã hội nên cần công nhận thỏa thuận bồi thường này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **quán bar N3.1** đã được các bị cáo bồi thường tổng cộng 5.300.000đ, hiện không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét đến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh **Nguyễn Sỹ S** đã được các bị cáo **Võ Ngọc A**, **Trần Hữu T1** và **Dương Hoàng G** bồi thường số tiền tổng cộng 20.000.000đ, hiện không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét đến.

[7] Về vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MISUBISHI, BKS: 37A - 686.82, Cơ quan điều tra **Công an thành phố B** đã trả lại cho chị **Nguyễn Thị Vân A1** là chủ sở hữu hợp pháp là đúng pháp luật.

- Đối với: 01 (một) quần jean dài màu xanh bạc có chữ D&G của **Dương Hoàng G**; 01 (một) áo thun cổ bẻ, màu xanh đen, tay ngắn có viền màu đỏ và 01 (một) quần lửng dạng kaki màu trắng của **Võ Ngọc A** của **Nguyễn Hữu Đ**; 01 (một) áo thun cổ tròn, màu đen, tay ngắn, trước có in hình gấu trúc màu trắng, phía sau có dòng chữ màu xanh; 01 (một) chiếc xẻng cán kim loại, tổng chiều dài là 1,37m và mặt xẻng dài 0,27m, rộng 0,23m, cán trên bằng kim loại đường kính 0,03m; 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại, cán tròn, tổng chiều dài là 0,78m, mũi nhọn, lưỡi sắc, rộng 0,035m; đường kính cán là 0,03m; 01 (một) vỏ bao kiếm màu đen, có chu vi 0,06m; dài 0,615m; 01 (một) con dao gấp ốp nhựa màu đỏ, lưỡi bằng kim loại, dài 20cm (lưỡi bằng kim loại dài 09cm, cán dài 11cm); 01 (một) con dao gấp lưỡi bằng kim loại dài 04cm, cán bằng kim loại dài 06cm; 01 (một) con dao gấp có ốp màu xanh đỏ dài 18cm, lưỡi bằng kim loại dài 108cm, cán dao dài 10cm, 01 con dao gấp dài 15cm, gồm nhiều lưỡi khác nhau, 01 con dao gấp dài 18cm, lưỡi bằng kim loại dài 08cm, cán dài 10cm có ốp màu xanh đỏ. Đây là hung khí và trang phục mà các bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, xét giá trị sử dụng còn lại không lớn nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về các vấn đề khác:

- Đối với hành vi của **Võ Ngọc A** đã dùng dao gây thương tích cho **Nguyễn Trần Tân T10** và anh **Nguyễn Sỹ S**. Quá trình điều tra thì anh **T10**, anh **S** đã từ chối giám định tỷ lệ thương tật nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với hành vi này của **Võ Ngọc A**.

- Đối với thương tích ở vùng thái dương, vùng tai trái, cung mày trái đến gò má trái, cẳng tay trái, gãy bờ trên trong trần hốc mắt trái của anh **Nguyễn Minh T8**. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra không xác định được ai là người gây nên. Do vậy, không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với những thương tích này của anh **T8**.

- Đối với thương tích của **Bùi Tấn N2** là 01%. Quá trình điều tra **N2** không có yêu cầu đề nghị đối với thương tích của mình. Do vậy, không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với người đã có hành vi gây thương tích cho **N2**.

- Đối với hành vi của **Trần Hữu T1** đã dùng xẻng đánh gây thương tích cho anh **Nguyễn Sỹ S**. Quá trình điều tra thì anh **S** đã nhận tiền bồi thường và từ chối giám định tỷ lệ thương tật. Do vậy không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với **T1** về hành vi này nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với **T1** là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với các thương tích của **Vũ Mạnh Đ1**, **Nguyễn Tấn T5**, **Vũ Đình T11**, **Nguyễn Thị Thùy H5**. Quá trình điều tra đã có đơn xin từ chối giám định tỷ lệ thương tật và Cơ quan điều tra đã ra Quyết định dẫn giải nhưng không chấp hành đi giám định. Ngoài ra, cũng không xác định được người đã gây thương tích nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với người đã có hành vi gây thương tích cho **Đ1**, **T5**, **T11** và **H5**.

- Đối với **Phạm Hồng Q2**, **Nguyễn Thị H4**, **Nguyễn Thị Thùy H5**, **Nguyễn Trần Tân T10**, **Lâm Ngọc Y**, **Triệu Minh T12**, **Lê Minh Đ3** và đối tượng tên Phòng có mặt khi các bị cáo đánh nhau. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định những người trên không tham gia và cũng không có hành vi gì cổ vũ hay giúp sức cho các bị cáo trong quá trình đánh nhau. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với những người này là phù hợp.

- Đối với hành vi của **Nguyễn Đình T15** dùng tay không đâm 01 cái trúng vào một người (không rõ trúng ai). Quá trình điều tra xác định mục đích của **T15** chỉ nhằm can ngăn việc đánh **T8** và quá trình tra cứu tiền án, tiền sự thì **T15** chưa có tiền án, tiền sự gì về hành vi gây rối trật tự công cộng nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với **T15** là phù hợp.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về ý kiến, đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Võ Ngọc A** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Hữu Đ**, **Trần Hữu T1**, **Dương Hoàng G**, **Nguyễn Tấn T5**, **Vũ Mạnh Đ1** và **Bùi Tấn N2** phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

- Căn cứ điểm b, d khoản 4 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Võ Ngọc A 09 (C)** năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ điểm b, e khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Võ Ngọc A 03 (Ba)** năm **06 (S1)** tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo **Võ Ngọc A** phải chấp hành chung **12** (Mười hai) năm **06** (**S1**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/9/2022.

- Căn cứ điểm b, e khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu Đ 42** (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/9/2022.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Hữu T1 36** (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/9/2022.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn T5 33** (Ba mươi ba) tháng tù.

Căn cứ khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; buộc bị cáo **Nguyễn Tấn T5** phải chấp hành hình phạt **03** (Ba) năm tù của Bản án số 54/2019/HSST ngày 17/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Nguyễn Tấn T5** phải chấp hành chung hai bản án là **05** (Năm) năm **09** (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/3/2023.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Dương Hoàng G 36** (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **05** (Năm) năm tính từ ngày tuyên án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo **Vũ Mạnh Đ1** và **Bùi Tấn N2**, mỗi bị cáo **30** (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **05** (Năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Dương Hoàng G** cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An và giao các bị cáo **Vũ Mạnh Đ1**, **Bùi Tấn N2** cho Ủy ban nhân dân xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thi hành án thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) quần jean dài màu xanh bạc có chữ D&G.
- 01 (một) áo thun cổ bẻ, màu xanh đen, tay ngắn có viền màu đỏ.
- 01 (một) quần lửng dạng kaki màu trắng.

- 01 (một) áo thun cổ tròn, màu đen, tay ngắn, trước có in hình gấu trúc màu trắng, phía sau có dòng chữ màu xanh.

- 01 (một) chiếc xẻng cán kim loại, tổng chiều dài là 1,37m và mặt xẻng dài 0,27m, rộng 0,23m, cán trên bằng kim loại đường kính 0,03m.

- 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại, cán tròn, tổng chiều dài là 0,78m, mũi nhọn, lưỡi sắc, rộng 0,035m; đường kính cán là 0,03m.

- 01 (một) vỏ bao kiếm màu đen, vòng rộng 0,06m; dài 0,615m.

- 01 (một) con dao gấp ốp nhựa màu đỏ, lưỡi bằng kim loại, dài 20cm (lưỡi bằng kim loại dài 09cm, cán dài 11cm).

- 01 (một) con dao gấp lưỡi bằng kim loại dài 04cm, cán bằng kim loại dài 06cm.

- 01 (một) con dao gấp có ốp màu xanh đỏ dài 18cm, lưỡi bằng kim loại dài 08cm, cán dao dài 10cm.

- 01 (một) con dao gấp dài 15cm, gồm nhiều lưỡi khác nhau bằng kim loại, cán có ốp màu đỏ.

- 01 (một) con dao gấp dài 18cm, lưỡi bằng kim loại dài 08cm, cán dài 10cm có ốp màu xanh đỏ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/9/2023 tại Chi cục Thi hành án thành phố Bảo Lộc)

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 590 Bộ luật Dân sự.

Bị cáo **Võ Ngọc A** có trách nhiệm bồi thường cho anh **Nguyễn Minh T8** số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Buộc bị cáo **Võ Ngọc A** phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 20.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc các bị cáo **Nguyễn Hữu Đ**, **Trần Hữu T1**, **Dương Hoàng G**, **Nguyễn Tấn T5**, **Vũ Mạnh Đ1** và **Bùi Tấn N2**, mỗi người phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾
- VKSND tỉnh Lâm Đồng ⁽¹⁾
- VKSND TP. Bảo Lộc ⁽¹⁾
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng ⁽¹⁾
- Công an TP. Bảo Lộc ⁽¹⁾
- Chi cục THA dân sự TP. Bảo Lộc ⁽¹⁾
- Bị cáo ⁽⁷⁾
- Bị hại ⁽¹⁾
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ⁽²⁾
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ninh Khắc Phong